

BHT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số: 01/BCTN -TMC

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC
Năm báo cáo : 2020

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
CẤM PHẢN ĐẾN
Ngày: 29-04-2021
Số: 011200

I.Thông tin chung

1.Thông tin khái quát

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC
Tên giao dịch: BACH DANG TMC CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
GCN ĐKKD : 0200630129
Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ đã góp: 46.000.000.000 đồng (tính đến nay)
Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Thường – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Địa chỉ: Tầng B, Số 99 Ngụy Như Kon Tum – Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại: 024.62865483
Email: bachdangtmc@gmail.com
Website: www.bachdangtmc.com
Mã cổ phiếu: BHT

1.Quá trình hình thành và phát triển

Công ty được thành lập ngày 12 tháng 10 năm 1998 theo quyết định số 992/QĐ - BXD do Bộ trưởng Bộ xây dựng ký được lấy tên là: Công ty xây dựng và dịch vụ du lịch Đồ Sơn - Trục thuộc Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng - Có trụ sở Công ty đặt tại Khu II, thị xã Đồ Sơn - Thành Phố Hải Phòng.

Ngày 02 tháng 3 năm 2000 được đổi tên thành Công ty Lắp máy điện nước và xây dựng chuyên trụ sở Công ty về An Hồng - An Dương - Hải Phòng. Theo quyết định số 330/QĐ - BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng ký ngày 02/3/2000.

Ngày 23/12/2004 theo quyết định số 2043/QĐ - BXD của Bộ xây dựng chuyển đổi từ Công ty nhà nước thành Công ty Cổ phần được lấy tên là Công ty Cổ phần lắp máy điện nước và xây dựng có trụ sở tại An Hồng - An Dương - Hải Phòng.

Ngày 13/06/2006 Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng chấp thuận cho Công ty CP Lắp máy điện nước & Xây dựng chuyên trụ sở từ An Hồng - An Dương - Hải Phòng lên Hà Nội theo công văn số 58/HĐQT/TCT. Ngày 26/05/2007 theo quyết định số 2A/QĐ-HĐQT Công ty đã đổi tên thành Công ty CP Đầu tư xây dựng & Lắp máy TMC có trụ sở tại số 6 lô 1C Trung Yên 8 - Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Tháng 02/2010, tên Công ty được đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC và Đại hội cổ đông thông qua chủ trương tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 26 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 1.300.000 cổ phần. Năm 2011, công ty đã phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi trị giá 20.tỷ đồng và năm 2012 chuyển đổi thành công nâng vốn điều lệ thực góp của Công ty đạt 46 tỷ, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty.

Ngày 11/01/2011, cổ phiếu BHT của công ty chính thức được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của công ty.

Tháng 6/2016 Công ty chuyển trụ sở sang địa chỉ tại Tầng B, Số 99 Ngụy Như Kon Tum – Thanh Xuân - Hà Nội

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chính Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200630129 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất ống nhựa, nhôm nhiều lớp và phụ kiện, kết cấu thép hình các loại;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Tư vấn, xây dựng và lắp kéo rải cáp, máng cáp chôn ngầm cho ngành điện và bưu điện (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Xây dựng các công trình thủy lợi, khu công nghệ cao, chuẩn bị mặt bằng xây dựng;
- Lắp đặt điện nước, hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Gia công lắp dựng kết cấu thép hình các loại;
- Thi công các công trình cấp nước và thoát nước;
- Lắp đặt và cung cấp vật tư, thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản
- Lắp đặt hệ thống điện;

Địa bàn kinh doanh chính: Hà Nội và các vùng lân cận, và các tỉnh Nghệ An, Ninh Bình, Hà Nam, Thanh Hoá, Hải phòng

2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Công ty có Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên trong đó có Chủ tịch hội đồng quản trị, một uỷ viên HĐQT thường trực và 3 uỷ viên HĐQT.

Hội đồng quản trị quản lý, điều hành công ty thông qua Ban Tổng giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý : 4 phòng ban, 2 đội trực thuộc và 1 ban điều hành trực thuộc công ty

Các công ty con, công ty liên kết: không có

3. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Bạch Đằng TMC luôn luôn là một trong các thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực thi công xây lắp (đặc biệt là thi công cốppha trượt)

- Kinh doanh có lãi, đảm bảo và phát triển vốn của cổ đông, đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và quyền lợi của người lao động.

- Đảm bảo cho Doanh nghiệp ngày càng phát triển một cách bền vững và ổn định, xây dựng nguồn lực, phát triển các thế mạnh của mình.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển nguồn lực: với quan điểm phát triển bền vững, trong nhiều năm qua còn rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty luôn coi trọng công tác chăm lo và cải thiện đời sống và môi trường làm việc cho các cán bộ công nhân viên. Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khoẻ định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ mát.. Công ty xây dựng nhiều quy định về tuyển dụng lao động, trợ cấp khó khăn, thôi việc, trợ cấp hưu trí.. Tổ chức thường xuyên và khen thưởng kịp thời các sáng kiến kỹ thuật trong sản xuất...

- Đẩy nhanh tiến độ, phối hợp với đối tác thực hiện dự án đầu tư tại Xuân Đình – Hà Nội

- Tăng tỷ trọng đầu tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên không đầu tư dàn trải mà chỉ tập trung vào những lĩnh vực mà Công ty có nhiều thế mạnh như: Thi công cốppha trượt, kinh doanh bất động sản...

Để thực hiện chiến lược trên trong năm 2021 Công ty Bạch Đằng TMC tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng nguồn lực đặc biệt là nguồn nhân sự quản lý cấp cao, chủ động nguồn nhân lực phục vụ cho các dự án có quy mô lớn như các dự án bất động sản, các dự án đầu tư liên danh, liên kết Đồng thời có kế hoạch thực hiện nghiêm túc các chương trình đào tạo nâng cao cho cán bộ quản lý.

- Hoàn thiện trên cơ chế quản lý đầu tư bất động sản để nâng cao hiệu quả đầu tư rút ngắn thời gian chuẩn bị thủ tục, phát huy thế mạnh của công ty tại các dự án đầu tư bất động sản trên cả nước.

- Đẩy mạnh việc xây dựng dự án của công ty tại Hà Nội

- Tiếp tục phát huy thế mạnh thi công bằng công nghệ cốppha trượt trong thi công xây lắp, đổi mới, cải tiến kỹ thuật, thực hiện tiết kiệm tại công trường để giảm chi phí tại công trường của công ty.

- Chuyển đổi dần mô hình sản xuất kinh doanh giảm tỷ lệ xây lắp, tăng tỷ lệ đầu tư và kinh doanh Bất động sản

- Nghiên cứu kinh doanh thiên về lĩnh vực công nghệ phù hợp với thời đại 4.0.

4. Các rủi ro

Các rủi ro đến từ việc Chủ đầu tư chậm thanh toán, gây khó khăn trong việc thanh quyết toán công trình hoặc không đủ tài chính để thi công tiếp dẫn đến việc chậm tiến độ thi công làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và mục tiêu của công ty.

I. Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Ban lãnh đạo và toàn bộ CBCNV công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc ổn định và phát triển công ty, chú trọng công tác hoàn thiện thủ tục pháp lý thực hiện dự án đầu tư của công ty. Năm 2020 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty như sau:

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----------------------------------|-------|----------|----------|
| Tổng giá trị tài sản | Tr. đ | 162.595 | 160.923 |
| Doanh thu thuần | Tr. đ | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr. đ | (10.255) | (3.275) |
| Lợi nhuận khác | Tr. đ | (2.192) | (1.480) |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr. đ | (12.072) | (6.716) |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr. đ | (12.072) | (6.716) |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | | |

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2020 mà công ty đặt ra đều không đạt được so với kế hoạch, nguyên nhân là do sự suy thoái chung của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước. Việc các chủ đầu tư không đủ tài chính để tiếp tục đầu tư vào công trình, Chủ đầu tư chậm thanh toán làm chậm tiến độ thi công, ngân hàng khó khăn trong việc cho vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

1. Tổ chức và nhân sự

1.1 Danh sách ban điều hành:

| | | |
|-----------------------|----------------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thường | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm năm 2020 |
| Ông Phạm Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc | Bổ nhiệm năm 2020 |
| Bà Dương Thị Thủy | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm năm 2020 |

2.1.1 Tổng giám đốc

| | |
|--|---|
| - Họ và tên | Nguyễn Văn Thường |
| - Số CMND | 012888825 Ngày cấp: 23/06/2006 Nơi cấp: C.A Hà Nội |
| - Giới tính | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | 12/1/1960 |
| - Nơi sinh | Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình. |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Quê quán | Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình |
| - Địa chỉ thường trú | Trung Hòa - Nhân Chính - Cầu Giấy - Hà Nội |
| - Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 62865483 |
| - Trình độ văn hóa | 10/10 |
| - Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng |
| - Quá trình công tác | |
| - 1981 đến 2002 | Cán bộ cty Xây dựng số 9 (Vinaconex 9) |
| - 2003 đến 2004 | Phó giám đốc Chi nhánh vinaconex 9 |
| - 2005 đến 2006 | Giám đốc Công ty CP lắp máy điện nước và xây dựng |
| - 2006 đến nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC |
| - Chức vụ công tác hiện nay | Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị |
| - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |
| - Số cổ phần nắm giữ | 380.000 cổ phần. |
| Trong đó | |
| + Sở hữu | 200.000 cổ phần |
| + Đại diện sở hữu | 180.000 cổ phần. |
| - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 8,2% |

2.1.2 Phó Tổng giám đốc

| | |
|-----------------------|---|
| - Họ và tên | Phạm Minh Quang |
| - Số CMND | 037079000277 Ngày cấp: 14/12/2015 Nơi cấp: Cục QL&DLQG về cư dân |
| - Giới tính | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | 24/12/1979 |
| - Nơi sinh | Đại Đồng – Văn Lâm – Hưng Yên |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Quê quán | Gia Tiên– Gia Viễn – Ninh Bình |

- | | |
|--|--|
| - Địa chỉ thường trú | Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội |
| - Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 62865483 |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng |
| - Quá trình công tác | |
| - 2007 đến tháng 4.2020 | Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Đầu tư xây dựng Bạch Đằng TMC |
| - Từ 05.2020 đến nay | Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư xây dựng Bạch Đằng TMC |
| - Chức vụ công tác hiện nay | Phó Tổng giám đốc |
| - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |
| - Số cổ phần nắm giữ | 48.900 cổ phần. |
| Trong đó | |
| + Sở hữu | 48.900 cổ phần |
| + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần. |
| - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0.10% |

2.1.3 Kế toán trưởng - Bà Dương Thị Thủy

- | | | |
|---------------------------------------|---|-------------------------------|
| - Họ và tên | Dương Thị Thủy | |
| - Số CMND | 011847270 | CA Hà Nội cấp ngày 11/03/2011 |
| - Giới tính | Nữ | |
| - Ngày tháng năm sinh | 21/10/1979 | |
| - Nơi sinh | Hà Nội | |
| - Quốc tịch | Việt Nam | |
| - Dân tộc | Kinh | |
| - Quê quán | Kỳ Anh – Hà Tĩnh | |
| - Địa chỉ thường trú | Số 4, ngõ 230/138 tổ 9 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội | |
| - Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 04) 62865483 | |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 | |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | |
| - Quá trình công tác | | |
| - 2001 đến 2005 | Kế toán Công ty Xây dựng cầu 75 | |
| - 2005 đến 2008 | Phó phòng kế toán Công ty CP đầu tư XD và lắp máy TMC | |
| - 2008 đến nay | Ủy Viên HĐQT kiêm Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - Chức vụ công tác hiện nay | Ủy Viên HĐQT kiêm kế toán trưởng | |
| - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không | |
| - Số cổ phần nắm giữ | 33.100 cổ phần | |
| Trong đó | | |
| + Sở hữu | 33.100 cổ phần | |

- + Đại diện sở hữu

0 Cổ phần

1.1 **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2020, Bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc

1.2 **Số lượng cán bộ công nhân viên:**

Tính đến ngày 31/12/2020 số lượng cán bộ công nhân viên Công ty là: 30 người.

Trong đó:

- Trình độ Đại học, cao đẳng, trung cấp : 20 người.
- Công nhân, kỹ thuật, lao động phổ thông : 10 người

Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi nhằm thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.
- Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ ba tháng trở lên.
- Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất và kinh tế theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn:

Công ty đang tiến hành đầu tư Dự án Tổ hợp công trình, căn hộ, văn phòng và công cộng tại Xuân Đình Hà Nội .

Năm 2020, Công ty tiếp tục cùng với bên liên danh Công ty CP Bất động sản Vimedimex triển khai mạnh mẽ thực hiện dự án: Tổ hợp công trình, căn hộ, văn phòng và công cộng, diện tích 4,97 ha tại hà nội với tổng mức đầu tư ban đầu là: 2.998 tỷ đồng đã được các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận giao cho công ty làm chủ đầu tư. Hiện nay, công ty đang cùng đối tác liên doanh tiến hành các công việc cần thiết để thực hiện dự án

Các công ty con, công ty liên kết: không có

Tình hình tài chính

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt nam nói riêng vẫn còn những khó khăn sau hậu suy thoái đang trong thời gian hồi phục, Bạch Đằng TMC vẫn phải đương đầu với không ít khó khăn trong năm 2020 . Trước tình hình đó Ban Tổng giám đốc chỉ đạo nắm bắt thông tin, linh hoạt kịp thời trong điều hành, quyết đoán nhanh, chính xác trong chiến lược kinh doanh, tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy được các thế mạnh của Công ty.

a, Tình hình tài chính

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | Tr. đ | 162.595 | 160.923 | -1.03% |
| Doanh thu thuần | Tr. đ | | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr. đ | (9.880) | (5.235) | -47,01% |
| Lợi nhuận khác | Tr. đ | (2.192) | (1.480) | -32,48% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr. đ | (12.072) | (6.716) | -44,36% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr. đ | (12.072) | (6.716) | -44,36% |

| | | | |
|----------------------------|---|--|----|
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | | 0% |
|----------------------------|---|--|----|

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|--|------|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | | | |
| - TSLĐ/ nợ ngắn hạn: | | 1,02 | 1,05 | |
| - Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ – Hàng tồn kho/ nợ ngắn hạn | Lần | 0,39 | 0,36 | |
| 2. Chỉ tiêu cơ bản về cơ cấu vốn | | | | |
| - Hệ số nợ/ Tổng tài sản | Lần | 1,09 | 1,14 | |
| - Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | -11,8 | -8,37 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho\ | | | | |
| + giá vốn bán hàng | Lần | | | |
| + Hàng tồn kho bình quân | | | | |
| - Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | Đồng | | | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần | % | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu | % | 0,8 | 0,31 | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | -0,074 | -0,041 | |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / doanh thu thuần | % | | | |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, cổ phần

- Tính đến 31/12/2019 Số cổ phần của công ty là : **4.600.000** cổ phần
- **Loại cổ phần:** cổ phần phổ thông.

Tính đến 31/12/2019 số lượng cổ phiếu đang lưu hành như sau:

| TT | Loại cổ phiếu lưu hành | Số lượng CP | Tỷ lệ (%) |
|----------|-----------------------------------|-------------|--------------|
| 1 | Hạn chế chuyển nhượng | 35.000 | 0,76% |
| 1.1 | Cổ đông đại diện vốn Nhà nước | | |
| | - Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng | 35.000 | |

| | | | |
|---|---------------------|------------------|-------------|
| 2 | Tự do chuyển nhượng | 4.565.000 | 99,24% |
| | Tổng (1+2) | 4.600.000 | 100% |

b, Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông lớn:

| TT | Cổ đông | Số lượng Cổ phần | Tỷ lệ | Địa chỉ |
|----|--------------------------------------|------------------|--------|---|
| 1 | Trần Văn Đức | 233.600 | 5,07% | Lê Trọng Tấn, La Khê, Hà Đông |
| 2 | Công ty CP phát triển đô thị Từ Liêm | 649.000 | 14.11% | Tầng 2A - Nhà N09B1 - KĐT mới Dịch Vọng - Cầu Giấy Hà Nội |
| 3 | Bà Dương Thị Hà | 690.000 | 15.0% | Nhà 34T Trung Hòa, Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội |

Số lượng cổ phiếu còn lại là của cá nhân

c, Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Năm 2020, Vốn chủ sở hữu không có thay đổi gì

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ : không có

e, Các chứng khoán khác : không có

I. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty

Một số chỉ tiêu tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020 được thể hiện trong các bảng số liệu ở mục II. 1

Năm 2020 tiếp tục là một năm gặp nhiều khó khăn của công ty do nhiều yếu tố. thị trường thế giới và thị trường trong nước có nhiều biến động, giá cả vật liệu xây dựng, lãi suất tiền vay tăng cao, khiến cho Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Đứng trước tình hình khó khăn chung Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có sự thống nhất chỉ đạo tạo hướng đi cho Công ty chủ động trong sản xuất, tiếp kiệm chi phí, tuy nhiên công ty kinh doanh không có lãi

Qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản cho thấy, năm 2020 công ty không có doanh thu do công ty chú trọng công tác chuẩn bị cho việc thực hiện dự án: Tổ hợp công trình, căn hộ, văn phòng và công cộng. Mọi chỉ tiêu trong sản xuất kinh doanh đều không đạt so với kế hoạch. Tuy nhiên, ban Giám đốc công ty đã cố gắng trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thi công, tiết kiệm chi phí để công ty duy trì hoạt động

- Những tiến bộ mà Công ty đã đạt được

- Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân có trình độ, năng động, sáng tạo nhiệt tình đoàn kết và có tinh thần trách nhiệm cao là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai của Công ty

Bên cạnh đó, việc chuyển hướng tham gia vào lĩnh vực đầu tư bất động sản dựa trên cơ sở các thế mạnh của Công ty cũng đánh dấu một bước chuyển hướng tích cực trong kế hoạch đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Năm 2020 Công ty cũng đã tổ chức, sắp xếp lại nhân sự ở nhiều bộ phận chức năng, ban hành quy chế thưởng phạt rõ ràng, ban hành quy chế tiền lương cho người lao động

2. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản

Việc sử dụng tài sản của công ty được Ban Tổng giám đốc điều hành một cách hợp lý và phục vụ tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty .

Năm 2020, tình hình tài sản của công ty đã được tăng thêm

b, Tình hình nợ phải trả

- Hiện tại, công ty còn một số công nợ đối với các nhà cung cấp tại các công trường chưa giải quyết dứt điểm được do sự chậm trễ thanh toán của các chủ đầu tư. Ban lãnh đạo công ty đang có các biện pháp tích cực để giải quyết nhanh nhất và dứt điểm đối với các công nợ này.
- Năm 2020 Công ty đã trả hết nợ gốc tiền thuế tồn tại trong nhiều năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

- Thay đổi , sắp xếp lại cơ cấu tổ chức tại Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị trực thuộc để phù hợp hơn với yêu cầu mới, nhiệm vụ mới
- Ban Tổng giám đốc công ty tiếp tục chỉ đạo áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thi công, tiết kiệm chi phí nhân công.

4. Kế hoạch trong tương lai

Để đáp ứng xu thế hội nhập và phát triển, với quan điểm phát triển bền vững Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bạch Đằng TMC luôn chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng và xác định đó là yếu tố quan trọng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chuyển dần mô hình sản xuất kinh doanh giảm tỷ lệ trong công tác xây lắp, tăng tỷ trọng công tác đầu tư kinh doanh bất động sản.

Ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất kinh doanh, mở rộng thêm các lĩnh vực kinh doanh khác ngoài ngành xây dựng.

Tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao bằng cách cử cán bộ kỹ thuật đi thăm quan tu nghiệp ở trong nước và nước ngoài nhằm học hỏi kỹ thuật tiên tiến nhất về áp dụng tại Công ty. Đặc biệt chú trọng việc thu hút và duy trì đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ phù hợp với công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến.

Tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty

Cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người lao động.....

II. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2020 là một năm đầy thách thức và khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản. Trước tình hình khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế đất nước nói riêng, Hội đồng quản trị đã cố gắng đưa ra các hướng đi mới, các biện pháp tốt nhất nhằm đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn của khủng hoảng kinh tế. Hội đồng quản trị đã trực tiếp và thường xuyên định hướng chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện quyết liệt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Năm 2020 các chỉ tiêu kinh doanh của công ty đề ra đều không đạt. Tuy nhiên, Công ty vẫn hoạt động một cách ổn định, lương và các chế độ của cán bộ công nhân viên vẫn được công ty đảm bảo. Công ty đã có những phương hướng hành động tích cực để tạo công ăn việc làm cho CBCNV trong công ty và việc làm cho năm 2021.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2020 Ban tổng giám đốc đã thực hiện tốt các chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách, kế hoạch mà Hội đồng quản trị đề ra

3. Các kế hoạch Định hướng Hội đồng quản trị

Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Tái cơ cấu lại mô hình tổ chức công ty cho phù hợp với thời điểm hiện tại.
- Nâng cao vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT và mỗi thành viên HĐQT đối với công tác quản trị công ty. Bổ xung cán bộ chủ chốt có năng lực lãnh đạo công ty để tái cơ cấu công tác tổ chức công ty.
- Tập trung cao độ thực hiện xây dựng và kinh doanh dự án: Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng. Đẩy doanh thu của công ty năm 2021 lên làm ăn có lãi.
- Giám sát và đôn đốc Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, tăng cường công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý các công trường đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, đẩy mạnh công tác thu hồi vốn và đưa ra nhiều phương pháp thu hồi vốn hiệu quả.
- Tăng cường quan hệ với ngân hàng để đáp ứng nguồn tín dụng cho Sản xuất kinh doanh.
- Giải quyết dứt điểm tồn đọng nợ các đối tác, khách hàng trong năm 2021.

III. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a, Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

Năm 2020, Hội đồng quản trị cũ hết nhiệm kỳ, đại hội đồng cổ đông công ty đã bầu Các ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2020 – 2025. Danh sách Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Thường | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Văn Hợp | - UV Thường trực HĐQT |
| 3. Ông Đinh Quang Chiến | - UV HĐQT |
| 4. Bà Dương Thị Thủy | - UV HĐQT |
| 5. Ông Tạ Văn Tú | - UV HĐQT |

Cơ cấu như sau:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết | Số chức danh HĐQT tại công ty khác | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------------|-------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Thường | Chủ tịch HĐQT | 8,2% | 0 | Thành viên độc lập |
| 2 | Nguyễn Văn Hợp | Thành viên HĐQT | 0,41% | 0 | Thành viên độc lập |
| 3 | Dương Thị Thủy | Thành viên HĐQT | 0,71% | 0 | Thành viên độc lập |
| 4 | Tạ Văn Tú | Thành viên HĐQT | 0,18% | 0 | Thành viên không tham gia điều hành |
| 5 | Đinh Quang Chiến | Thành viên HĐQT | 14,1% | 0 | Thành viên không tham gia điều hành |

Danh sách và thông tin các thành viên hội đồng quản trị: Gồm 5 thành viên

1. Ông Nguyễn Văn Thường - Chủ tịch HĐQT (xem mục 2.1.1)

2. Ông Nguyễn Văn Hợp – Ủy viên HĐQT

| | | |
|--|-----------------------------|---|
| - Họ và tên | Nguyễn Văn Hợp | |
| - Số CMND | 36064003186 | Ngày cấp: 27/07/2017 Nơi cấp: C.A Hà Nội |
| - Giới tính | Nam | |
| - Ngày tháng năm sinh | 16/08/1964 | |
| - Nơi sinh | Nam Định | |
| - Quốc tịch | Việt Nam | |
| - Dân tộc | Kinh | |
| - Quê quán | Ý Yên, Nam Định | |
| - Địa chỉ thường trú | Đại Kim, Q.Hoàng Mai, H/Nội | |
| - Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 62865483 | |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 | |
| - Trình độ chuyên môn | Kế toán | |
| - Quá trình công tác | | |
| - 2020 đến nay | Ủy viên Hội Đồng Quản Trị | |
| - Chức vụ công tác hiện nay | Ủy viên Hội Đồng Quản Trị | |
| - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không | |
| - Số cổ phần nắm giữ | 190.450 cổ phần | |
| Trong đó | | |
| + Sở hữu | 190.450 cổ phần | |
| + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần | |
| - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,41% | |

3. Bà Dương Thị Thủy - Ủy Viên Hội đồng quản trị (xem mục 2.1.2)

4. Ông Tạ Văn Tú - Ủy Viên Hội đồng quản trị

| | | |
|-----------------------|---------------------------------|---|
| - Họ và tên | Tạ Văn Tú | |
| - Số CMND | 013319144 | Ngày cấp: 03/07/2010 Nơi cấp: C.A Hà Nội |
| - Giới tính | Nam | |
| - Ngày tháng năm sinh | 26/12/1980 | |
| - Nơi sinh | Ninh Bình | |
| - Quốc tịch | Việt Nam | |
| - Dân tộc | Kinh | |
| - Quê quán | Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình | |
| - Địa chỉ thường trú | 123 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội | |

- Điện thoại liên lạc ở cơ quan (04) 62865483
- Trình độ văn hóa Đại Học
- Trình độ chuyên môn Luật Sư
- Quá trình công tác
 - 2006 đến 2014 Làm việc tại công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC
 - 2014 đến nay Làm việc tại công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC (không thường xuyên)
- Chức vụ công tác hiện nay Ủy viên thường trực Hội Đồng Quản Trị kiêm Thư ký chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác Chủ tịch HĐQT Công ty Luật Á Châu Việt
- Số cổ phần nắm giữ 49.000 cổ phần
- Trong đó**
- + Sở hữu 49.000 cổ phần
- + Đại diện sở hữu 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 1,02%

5. Ông Đinh Quang Chiến - Ủy Viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên **Đinh Quang Chiến**
- Số CMND 036067004550 Ngày cấp: 18/6/2019
Nơi cấp: C.A Hà Nội
- Giới tính Nam
- Ngày tháng năm sinh 18/05/1967
- Nơi sinh Hải Quang, Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Hải Quang, Hải Hậu, Nam Định
- Địa chỉ thường trú P1705 nhà N9B1, KĐT M Dịch Vọng, tổ 49, P. Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan
- Trình độ văn hóa 12/12
- Trình độ chuyên môn Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác
 - 2010 đến tháng 3/2019 Ủy viên HĐQT Công ty CP Phát triển Đô Thị Từ Liêm
 - Từ 04/2019 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Đô

Thị Từ Liêm

| | |
|--|---------------------------|
| - Chức vụ công tác hiện nay | Ủy viên Hội Đồng Quản Trị |
| - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | không |
| Số cổ phần nắm giữ | 649.000 cổ phần |
| Trong đó | |
| + Sở hữu | 649.000 cổ phần |
| + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần |
| - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 14.1% |

b, Các tiểu ban của Hội đồng quản trị :

Thư ký công ty: Ông Tạ Văn Tú

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện ngay các hoạt động quản trị, điều hành công ty. Hội đồng quản trị trực tiếp kiểm tra giám sát và chỉ đạo ban Tổng giám đốc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị còn trực tiếp chỉ đạo một số công trình trọng điểm, công trình lớn và các dự án đầu tư của công ty.

Sau Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã họp các phiên thường kỳ và bất thường để xem xét và quyết định một số vấn đề có liên quan đến công tác quản trị và chỉ đạo triển khai các hoạt động của công ty.

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành và thông qua 04 văn bản Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản trị điều hành và thay đổi nhân sự ban Tổng giám đốc công ty. Các văn bản được thông qua cuộc họp HĐQT, được các thành viên HĐQT nhất trí cao, được ban hành đúng pháp luật và có giá trị thực thi cao.

Trong quan hệ với các cổ đông, HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động sự kiện của công ty đến các cổ đông qua báo chí, qua website của công ty, qua đường công văn ... Ban thư ký của công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật và đã thực hiện các thông báo, trả lời ý kiến cổ đông, đảm bảo các thông tin chính thức được đến với cổ đông.

d, Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành gồm 2 thành viên:

1. Ông Tạ Văn Tú : Không làm việc tại công ty
2. Ông Đinh Quang Chiến : Không làm việc tại công ty

e, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Ban thư ký công ty đóng góp vai trò giúp việc tích cực cho Hội đồng quản trị, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng thể thức và các nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ban thư ký công ty cũng hoạt động tích cực trong việc cung cấp thông tin để thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật đến các cổ đông và là cầu nối giữa Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc.

f, Danh sách thành viên HĐQT được đào tạo về quản trị công ty

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-------------------|----------|---------------------|-----------------|---|
| 1 | Nguyễn Văn Thường | 1960 | Kỹ sư xây dựng | Chủ tịch HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 2 | Đình Quang Chiến | 1967 | Cử nhân kế toán | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 3 | Dương Thị Thủy | 1979 | Cử nhân kinh tế | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 4 | Tạ Văn Tú | 1980 | Luật sư | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 5 | Nguyễn Văn Hợp | 1964 | Cử nhân kế toán | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên Ban kiểm soát:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết | Ghi chú |
|----|--------------|-------------------|-------------------------------------|---------|
| 1 | Đặng Thị Nụ | Trưởng ban KS | 0,11% | |
| 2 | Hà Trung Văn | Thành viên Ban KS | 0% | |
| 3 | Lê Thị Thuý | Thành viên Ban KS | 0,16% | |

Danh sách Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên

1. Trưởng ban Kiểm Soát - Bà Đặng Thị Nụ

- Họ và tên **Đặng Thị Nụ**
- Số CMND 011996437 Ngày cấp:10/05/2012
Nơi cấp:C.A Hà Nội
- Giới tính Nữ
- Ngày tháng năm sinh 06/01/191966
- Nơi sinh Trục Thái-Trục Ninh-Nam Định
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Trục Thái-Trục Ninh-Nam Định
- Địa chỉ thường trú Số 16-Ngõ18-Khuong Hạ-Khuong Đình- Thanh Xuân-HN
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan
- Trình độ văn hóa 12/12
- Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán DN

- Quá trình công tác
- 1986 đến nay
- Chức vụ công tác hiện nay
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác
- Số cổ phần nắm giữ
- Trong đó**
- + Sở hữu
- + Đại diện sở hữu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

Tổng công ty công trình giao thông 8

Trưởng ban kiểm soát

Không

5.000 cổ phần

5.000 cổ phần

0,11%

2 . Ủy Viên BKS - Ông Hà Trung Văn

- Họ và tên
- Số CMND
- Giới tính
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch
- Dân tộc
- Quê quán
- Địa chỉ thường trú
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan
- Trình độ văn hóa
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác
- 2012 đến nay
- Chức vụ công tác hiện nay
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác
- Số cổ phần nắm giữ
- Trong đó**
- + Sở hữu
- + Đại diện sở hữu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

011962851

Ngày cấp:

03/02/2010

Nơi cấp: C.A HN

Nam

18/10/1981

35 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Việt Nam

Kinh

35 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm – Hà Nội

35 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm – Hà Nội

(04) 62865483

12/12

Kỹ sư xây dựng

Cán bộ CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC

Thành viên ban kiểm soát

Không

0 cổ phần

0 cổ phần

0 cổ phần

0%

3. Ủy Viên BKS - Bà Lê Thị Thúy

- Họ và tên: **Lê Thị Thúy**

- | | | |
|--|--|--|
| - Số CMND: | 164095055 | Ngày cấp: 24/05/1999 Nơi cấp: C.A Ninh Bình |
| - Giới tính: | Nữ | |
| - Ngày tháng năm sinh: | 27/11/1981 | |
| - Nơi sinh: | Ninh Xuân – Hoa Lư - Ninh Bình | |
| - Quốc tịch: | Việt Nam | |
| - Dân tộc: | Kinh | |
| - Quê quán: | Ninh Xuân – Hoa Lư – Ninh Bình | |
| - Địa chỉ thường trú: | Số 164 Chiến Thắng - Minh Khai - Nam Thành – Ninh Bình | |
| - Điện thoại liên lạc ở cơ quan: | (04) 62865483 | |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 | |
| - Trình độ chuyên môn: | Cử Nhân Ngoại Ngữ - Đại học Ngoại ngữ - quốc gia Hà Nội | |
| - Quá trình công tác: | | |
| - 2006 đến nay: | Nhân viên Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - Chức vụ công tác hiện nay: | Thành viên Ban Kiểm soát | |
| - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: | Không | |
| - Số cổ phần nắm giữ: | 75.400 cổ phần | |
| Trong đó | | |
| + Sở hữu: | 75.400 cổ phần | |
| + Đại diện sở hữu: | 0 cổ phần | |
| - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | 0.16% | |

b, Hoạt động Ban kiểm soát:

Trong quá trình hoạt động Ban kiểm soát đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, với nhiệm vụ giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo những nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2020, ban kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp để đánh giá hoạt động của Hội Đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và đã nắm rõ việc hoạt động của công ty trong năm 2020.

3. Các Giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a, Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

Việc trả lương, thưởng các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát làm việc tại công ty trả theo Quy chế tiền lương, thu nhập của công ty áp

dụng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên thuộc khối phòng ban và các đơn vị phục vụ hưởng lương theo khối phòng ban.

- Các khoản thù lao ngoài lương như sau: Năm 2020 không trả thù lao cho HĐQT và ban kiểm soát theo quyết định tại Đại hội đồng cổ đông 2019

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Năm 2020 cổ đông nội bộ không giao dịch cổ phiếu nào

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2020, cổ đông nội bộ không có hợp đồng hoặc giao dịch nào

d, Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Trong năm 2020, công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty theo pháp luật hiện hành

HĐQT dự kiến họp đại hội cổ đông thường niên vào tháng 5/2021 và đã thực hiện các trình tự theo quy định,

VI. Báo cáo tài chính

Bản báo cáo kiểm toán đầy đủ đã gửi TTGDCK Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo quy định.

1. Ý kiến kiểm toán:

a. Kiểm toán độc lập:

- **Đơn vị kiểm toán:** Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Địa chỉ : 706A5 – Làng quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại : 043.7931428

Fax : 043.7931429

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Như trình bày tại Thuyết minh số V.06 của báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019, số dư khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 44.492.060.533 đồng. Đây là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình phát sinh từ những năm trước nhưng công ty chưa quyết toán được với chủ đầu tư. Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi và xác định mức tổn thất nếu có cho khoản “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với khoản “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ việc không trình bày đầy đủ các thông tin nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh VIII.10 của báo cáo tài chính, năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty tiếp tục lỗ 12.072.701.347 đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 67.013.016.241 đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn là 15.105.201.416 đồng. Ngoài ra, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, tổng công nợ phải trả quá hạn thanh toán là 63.351.056.681 đồng (trong đó nợ vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 26.571.530.863 đồng, lãi vay Ngân hàng Nông

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 13.299.579.247 đồng, nợ phải trả người bán là 2.840.899.731 đồng, nợ phải trả khác là 4.020.298.158 đồng, nợ thuế và các khoản lãi, phạt chậm nộp Nhà nước là 16.618.748.682 đồng). Những vấn đề này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc cam kết rằng sẽ thương lượng để gia hạn thời hạn thanh toán các khoản nợ phải trả, đàm phán với chủ đầu tư để nghiệm thu, đơn đốc thanh toán các công trình đã hoàn thành và triển khai các dự án, nên Công ty lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định tiếp tục hoạt động liên tục.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc
Phó Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Lê Mỹ Trang
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 70,927,390,803 | 75,414,535,334 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 64,159,042 | 6,499,040 |
| 1. Tiền | 111 | | 64,159,042 | 6,499,040 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*) | 122 | | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 23,939,655,773 | 28,526,133,705 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.02 | 16,336,943,431 | 16,336,943,431 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 10,614,924,435 | 13,354,924,435 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 21,912,168,192 | 23,015,466,296 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*) | 137 | | (24,924,380,285) | (24,181,200,457) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.04 | 46,564,143,052 | 46,564,143,052 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 46,564,143,052 | 46,564,143,052 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 359,432,936 | 317,759,537 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | | |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 359,432,936 | 317,759,537 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Gia dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 89,996,543,342 | 87,181,393,473 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | V.03 | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99 Nguyễn Như Kôn Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

| | | | | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 16,760,323,479 | 16,881,041,890 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.05 | 659,981,116 | 780,699,527 |
| - Nguyên giá | 222 | | 29,330,992,873 | 29,330,992,873 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (28,671,011,757) | (28,550,293,346) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | - |
| - Nguyên giá | 225 | | | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.06 | 16,100,342,363 | 16,100,342,363 |
| - Nguyên giá | 228 | | 16,100,342,363 | 16,100,342,363 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | | |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 73,236,219,863 | 70,292,351,583 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 73,236,219,863 | 70,292,351,583 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | | |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn(*) | 254 | | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | V.07 | - | 8,000,000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 8,000,000 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Thiết bị, vật ư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200) | 270 | | 160,923,934,145 | 162,595,928,807 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ(300=310+320) | 300 | | 182,745,254,441 | 177,701,130,223 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 67,555,696,824 | 73,644,959,598 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.09 | 2,840,899,731 | 2,840,899,731 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 5,658,700,146 | 5,658,700,146 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | V.10 | 9,295,774,907 | 16,618,748,682 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 258,912,862 | 267,483,327 |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.11 | 15,690,324,710 | 13,347,331,888 |
| 7. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 317 | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

| | | | | |
|--|------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 3,119,486,900 | 4,170,198,256 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.08 | 30,342,620,266 | 30,392,620,266 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 348,977,302 | 348,977,302 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | V.08 | 115,189,557,617 | 104,056,170,625 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | 21,434,793,139 | 18,941,406,147 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | | |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 93,754,764,478 | 85,114,764,478 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | | |
| B.VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+420) | 400 | V.13 | (21,821,320,296) | (15,105,201,416) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | (21,821,320,296) | (15,105,201,416) |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 46,000,000,000 | 46,000,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 46,000,000,000 | 46,000,000,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 4,118,298,000 | 4,118,298,000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1,789,516,825 | 1,789,516,825 |
| 9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (73,729,135,121) | (67,013,016,241) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (67,013,016,241) | (54,940,314,894) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (6,716,118,880) | (12,072,701,347) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

| | | | | |
|--|------------|--|------------------------|------------------------|
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 160,923,934,145 | 162,595,928,807 |

Hà nội, ngày tháng năm
2021

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thùy

Nguyễn Văn Thường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------|-------------|-----------------|------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 0 | 0 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | VI.01 | 0 | 0 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 0 | 0 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11) | 20 | | 0 | - |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 12,587,383 | 34,293,508 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 2,589,397,781 | 2,420,359,183 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2,589,397,781 | 2,420,359,183 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.05 | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.05 | 2,658,684,025 | 7,494,444,671 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)} | 30 | | (5,235,494,423) | (9,880,510,346) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.06 | 0 | 54,778,175 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.07 | 1,480,624,457 | 2,246,969,176 |
| 13. Lợi nhuận khác(40=31-32) | 40 | | (1,480,624,457) | (2,192,191,001) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40) | 50 | | (6,716,118,880) | (12,072,701,347) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52) | 60 | | (6,716,118,880) | (12,072,701,347) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) | 70 | VI.08 | (1,460) | (2,625) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.09 | (1,460) | (2,625) |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày ...tháng ... năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------------|--|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | - | - |
| 1. | Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (6,716,118,880) | (12,072,701,347) |
| 2. | Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - | Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | | 120,718,411 | 1,065,390,873 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 | | 743,179,828 | (1,634,421,505) |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | | - |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (12,587,383) | (34,293,508) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | | 2,589,397,781 | 2,420,359,183 |
| 3. | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (3,275,410,243) | (10,255,666,304) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 3,411,624,705 | (6,760,131,580) |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | 7,178,028,738 |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (7,989,255,596) | (1,540,186,207) |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 8,000,000 | 100,000,000 |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (489,638,417) |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 390,000,000 | 3,609,726,786 |
| - | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (3,000,000) | (3,000,000) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (7,458,041,134) | (8,160,866,984) |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | 0 | 0 |
| - | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (1,086,886,247) | (2,400,972,004) |
| - | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| - | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| - | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| - | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| - | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| - | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 12,587,383 | 34,293,508 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1,074,298,864) | (2,366,678,496) |
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | 0 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

| | | | | | |
|---|---|----|--|-----------------|-----------------|
| - | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| - | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| - | Tiền thu từ đi vay | 33 | | 12,320,000,000 | 18,655,305,205 |
| - | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (3,730,000,000) | (8,302,530,158) |
| - | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| - | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 8,590,000,000 | 10,352,775,047 |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 57,660,002 | (174,770,433) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 6,499,040 | 181,269,473 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 64,159,042 | 6,499,040 |

Đơn vị tính: VND

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là: Kinh doanh bất động sản (thực hiện đền bù dự án tổ hợp công trình nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không trích khấu hao |

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong năm là từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và dịch vụ đã cung cấp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

T.M. Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Thường